|  |
| --- |
| TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN  **TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ**  **THUYẾT MINH ĐỀ TÀI KHOA HỌC**  **(TÊN ĐỀ TÀI)**  **Chủ nhiệm đề tài: .................**  **Đơn vị công tác: ...................**  **..............., tháng......năm 202......** |

**Biểu B1-2b- TMĐTXH**

**THUYẾT MINH**

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN [[1]](#footnote-1)1**

# THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề tài:** | | | **1a. Mã số của đề tài:** *(được cấp khi hồ sơ trung tuyển)* | | |
| **2** | **Loại đề tài:**  **Thuộc Ch­ương trình** (Ghi rõ tên ch­ương trình), **Mã số:**  **Độc lập**  **Khác** | | | | | |
| **3** | **Thời gian thực hiện**: …….tháng  (từ tháng /năm 20… đến tháng /năm 20…) | | | **4** | | **Cấp quản lý** |
| tỉnh | | |
| **5** | **Kinh phí thực hiện:**  Tổng kinh phí: *………… (triệu đồng),* trong đó:   * Từ ngân sách nhà nước: … * Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước: … | | | | | |
| **6** | **Đề nghị phương thức khoán chi:**  Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | Khoán từng phần, trong đó:  - Kinh phí khoán: …………….. *triệu đồng*  - Kinh phí không khoán: ……….*triệu đồng* | | |
| **7** | **Chủ nhiệm đề tài:** | | | | | |
| Họ và tên:..................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ...................................... Nam/ Nữ: ....................................  Học hàm, học vị:..................................................................................................  Chức danh khoa học: ...........................................Chức vụ:.......................................  Điện thoại của tổ chức: ............................ Mobile:............................  Fax: ........................................................... E-mail: ............................................  Tên tổ chức đang công tác:.................................................................................  Địa chỉ tổ chức:................................................................................................... | | | | | | |
| **8** | **Thư ký khoa học:** | | | | | |
| Họ và tên:.............................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ..................................... Nam/ Nữ: .....................................  Học hàm, học vị: ...............................................................................................  Chức danh khoa học: ..................................... Chức vụ: ......................................  Điện thoại của tổ chức: ............................... Mobile: ............................  Fax: ........................................................... E-mail: ............................................  Tên tổ chức đang công tác: .................................................................................  Địa chỉ tổ chức: .................................................................................................. | | | | | | |
| **9** | **Tổ chức chủ trì đề tài:** | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ...........................................................  E-mail: ............................................................................................. ..................  Website: ............................................................................................................ .....  Địa chỉ: ............................................................................................................. ....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ............................................................................ .....  Số tài khoản: ...................................................................................................... .....  Ngân hàng: ........................................................................................................ .....  Cơ quan chủ quản đề tài: .......................................................................................... | | | | | | |
| **10** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài** *(nếu có)* | | | | | |
| **Tổ chức 1** : .....................................................................................................  Cơ quan chủ quản ...................................................................................... ...........  Điện thoại: ...................................... Fax: ................................................................  Địa chỉ: ................................................................................................................ ...  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................... ...  Số tài khoản: ....................................................................................................... ...  Ngân hàng: ................................................................................................. .............  **Tổ chức 2** : ..................................................................................................... ....  Cơ quan chủ quản ............................................................................................ .....  Điện thoại: ...................................... Fax: ............................................................. ...  Địa chỉ: ........................................................................................................ .....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ...............................................................................  Số tài khoản: .................................................................................................... ......  Ngân hàng: ........................................................................................................ | | | | | | |
| **11** | **Danh sách thành viên thực hiện đề tài** | | | | | |
| *(Ghi những người thực hiện những nội dung chính**thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | |
| **TT** | | **Họ và tên,**  **học hàm học vị** | **Chức danh thực hiện đề tài**[[2]](#footnote-2)2 | | **Tổ chức công tác** | |
| 1 | |  |  | |  | |
| 2 | |  |  | |  | |
| 3 | |  |  | |  | |
| 4 | |  |  | |  | |
| 5 | |  |  | |  | |
| 6 | |  |  | |  | |

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **12. Mục tiêu của đề tài:** *(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*  ***12.1. Mục tiêu chung:***  ..........................................................................................................................................  ***12.2. Mục tiêu cụ thể:***  .......................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | |
| **13. Tình trạng đề tài:**  Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | | | | | | | | | | | |
| **14. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:**  ***14.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***  (*Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài*) | | | | | | | | | | | | | | |
| ***14.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài***  (*Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài* | | | | | | | | | | | | | | |
| **15. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:**  (*tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn*) | | | | | | | | | | | | | | |
| **16. *Đối tượng và phạm vi nghiên cứu***  \*/ Đối tượng nghiên cứu: (*đối tượng cơ bản của vấn đề nghiên cứu cần quan tâm, tìm hiểu và tìm cách giải quyết)*  \*/ Phạm vi nghiên cứu *(giới hạn về không gian, thời gian của đối tượng nghiên cứu)* | | | | | | | | | | | | | | |
| **17. Nội dung nghiên cứu của đề tài: (***xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)* | | | | | | | | | | | | | | |
| **Nội dung 1 :** ........................................................................  Công việc 1: ........................................................................  Công việc 2: ........................................................................  ..............................................................................................  **Nội dung 2:** .........................................................................  Công việc 1: ........................................................................  Công việc 2: ........................................................................  ..............................................................................................  **Nội dung 3 :** ........................................................................  Công việc 1: ........................................................................  Công việc 2: ........................................................................  .............................................................................................. | | | | | | | | | | | | | | |
| **18. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:**  *(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)* | | | | | | | | | | | | | | |
| * S­ưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính) * Hội thảo/toạ đàm khoa học (số l­ượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu) * Khảo sát/điều tra thực tế trong nư­ớc (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phư­ơng pháp) * Khảo sát nư­ớc ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung) * ........ | | | | | | | | | | | | | | |
| **19. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**  *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*  ***Cách tiếp cận***: ..........................................................................................................................................  ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***: ..........................................................................................................................................  .......................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | |
| **20. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:**  *[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]* | | | | | | | | | | | | | | |
| **21. Phương án hợp tác quốc tế:** (nếu có)  *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)* | | | | | | | | | | | | | | |
| **22. Phương án thuê chuyên gia** *(nếu có)*  ***22.1. Thuê chuyên gia trong nước*** | | | | | | | | | | | | | | |
| Số TT | | Họ và tên, học hàm, học vị | | Thuộc tổ chức | | | Lĩnh vực chuyên môn | | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | | | | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) | |
| 1 | |  | |  | | |  | |  | | | |  | |
| 2 | |  | |  | | |  | |  | | | |  | |
|  | |  | |  | | |  | |  | | | |  | |
|  | ***22.2. Thuê chuyên gia nước ngoài*** | | | | | | | | | | | | | |
| Số TT | | Họ và tên, học hàm, học vị | Quốc tịch | | Thuộc tổ chức | | | Lĩnh vực chuyên môn | | | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | | | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) |
| 1 | |  |  | |  | | |  | | |  | | |  |
| 2 | |  |  | |  | | |  | | |  | | |  |
| … | |  |  | |  | | |  | | |  | | |  |
| **23** | | **Tiến độ thực hiện:** | | | | | | | | | | | | |
|  | | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện;  các mốc đánh giá chủ yếu** | | | | **Kết quả phải đạt** | | | | **Thời gian** *(bắt đầu,  kết thúc)* | | **Cá nhân,  tổ chức  thực hiện\*** | | | |
| ***1*** | | ***Nội dung 1*** | | | |  | | | |  | |  | | | |
| - Công việc 1 | | | |  | | | |  | |  | | | |
| .......... | | | |  | | | |  | |  | | | |
| - Công việc n | | | |  | | | |  | |  | | | |
| ***2*** | | ***Nội dung 2*** | | | |  | | | |  | |  | | | |
| - Công việc 1 | | | |  | | | |  | |  | | | |
| ...... | | | |  | | | |  | |  | | | |
|  | | - Công việc n | | | |  | | | |  | |  | | | |
| **n** | | ***Nội dung n*** | | | |  | | | |  | |  | | | |
|  | | - Công việc 1 | | | |  | | | |  | |  | | | |
|  | | ...... | | | |  | | | |  | |  | | | |
|  | | - Công việc n | | | |  | | | |  | |  | | | |

*\* Chỉ ghi những tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 7, 8, 9, 10, 11, 22.*

**III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **24. Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt:** *(liệt kê theo dạng sản phẩm)*  **24.1 Dạng I**:Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác. | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | **Ghi chú** | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
| **23.2 Dạng II:** Bài báo; sách chuyên khảo và các sản phẩm khác | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố** *(Tạp chí, Nhà xuất bản)* | **Ghi chú** | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
| **25. Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**  **25.1 Lợi ích của đề tài:**  *a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)*  ..........................................................................................................................................  ..........................................................................................................................................*b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)*  ..........................................................................................................................................  ..........................................................................................................................................  **25.2 Phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**  *(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)*  .................................................................................................................................................................................................................................................................................... | | | | | |
| **26. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài** *(theo quy định tại thông tư 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước)*  **26.1. Phương án trang bị tài sản** *(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)*  a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài *(nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)*  b. Điều chuyển thiết bị máy móc  c. Thuê thiết bị máy móc   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật | Thời gian thuê | | 1 |  |  |  | | 2 |  |  |  |   d. Mua sắm mới thiết bị máy móc   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật | | 1 |  |  | | 2 |  |  |   **26.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài** *(hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)*  …………………………………………………………………………………… | | | | | |

**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **27. Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** | | | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | | |
| **Trả công lao động trực tiếp + chuyên gia** (nếu có) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  | |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  | |
| 1 | Ngân sách nhà nước:  a. Kinh phí khoán chi:  b. Kinh phí không khoán chi: |  |  |  |  |  |  | |
| 2 | Nguồn khác |  |  |  |  |  |  | |
| **V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**  **27. Kết luận:**  **28. Kiến nghị:** | | | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | | | | |
| **Chủ nhiệm đề tài**  *(Họ tên và chữ ký)* | | | **Tổ chức chủ trì đề tài** *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* | | | | |
|  | | |  | | | | |

**----------------------------**

**Phụ lục**

# TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐỀ TÀI THEO NỘI DUNG CHI

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | **Vốn khác** |
| Tổng số | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| 1 | Trả công lao động |  |  |  |  |
| 2 | Thuê chuyên gia  - Trong nước  - Nước ngoài |  |  |  |  |
| 2 | Nguyên,vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |
| 3 | Thiết bị, máy móc |  |  |  |  |
| 4 | Xây dựng, sửa chữa nhỏ |  |  |  |  |
| 5 | Chi khác |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

# Khoản 1a. Công lao động trực tiếp

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số người** | **Tổng số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí (1.000 đồng)** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Vốn khác** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài |  |  |  |  |
| 2 | Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học |  |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |  |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |
| **Cộng:** | |  |  |  |  |

# DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

# Đơn vị tính: 1.000 đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc1** | **Chức danh nghiên cứu2** | **Tổng số người thực hiện** | **Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)3** | **Số ngày công quy đổi**  **(Snc)4** | **Tổng kinh phí**  **(Tc)** | **Nguồn vốn** | |
| **Ngân sách**  **nhà nước** | **Vốn khác** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=5x6x**Lcs5** | 8 | 9 |
| **1** | **Nghiên cứu tổng quan** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1.1. Công việc 1: | Thư ký khoa học | 01 | 0,34 | 10 |  |  |  |
|  | ................ |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Đáng giá thực trạng** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2.1. Công việc 1: |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ...... | ........................ |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | ***Tổng kết, đánh giá*** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 5.1. Công việc 1: |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 của QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN và phù hợp với *mục 17 của thuyết minh*.

2. thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 12 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại *mục 22 của thuyết minh*.

3*.* Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 5 của QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN.

4. **Hstcn** được xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 5 của QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN

5. **Snc** theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 của QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN.

**6.** Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm bKhoản 1 Điều 5 của QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN

# Khoản 1b. Thuê chuyên gia (dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 21 của thuyết minh)

# Đơn vị tính: 1.000 đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Thuộc**  **tổ chức** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian thực hiện quy đổi**  **(tháng)** | **Mức lương tháng theo hợp đồng** | **Kinh phí** | | |
| **Tổng** | **Ngân sách nhà nước** | **Vốn khác** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6x7 | 9 | 10 |
| **I** | **Chuyên gia trong nước** |  |  |  |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Chuyên gia nước ngoài** |  |  |  |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | **Vốn khác** |
| **Kinh phí** | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
|  | ***Công việc 1*** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nguyên, vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năng lượng, nhiên liệu |  |  |  |  |  |  |  |
|  | …… |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Công việc 2*** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | .............. |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

### *1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:*

*- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do … ban hành tại các văn bản … và báo giá kèm theo.*

*- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.*

### *2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi*

### Khoản 3. Thiết bị, máy móc

*Đơn vị: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | **Vốn khác** |
| **Kinh phí** | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| **I** | **Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài[[3]](#footnote-3)** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……. |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……….. |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Khấu hao thiết bị**[[4]](#footnote-4) |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Thuê thiết bị**(ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |
|  | .............. |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Thiết bị công nghệ mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** | ***Vận chuyển lắp đặt*** |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Bảo dưỡng, sữa chữa** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

### Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

*Đơn vị: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | **Vốn khác** |
| **Kinh phí** | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| 1 | Chi phí xây dựng ...... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí sửa chữa ....... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 5. Chi khác**

*Đơn vị: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | **Vốn khác** |
| **Kinh phí** | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| ***1*** | ***Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu*** (*Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)* |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Hợp tác quốc tế*** (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...) |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***3*** | ***Kinh phí quản lý*** *(bằng 3% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 50 triệu đồng)* |  |  |  |  |  |  |  |
| ***4*** | ***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ*** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi phí kiểm tra nội bộ (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi phí Hội đồng đánh giá giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả đề tài (nếu có); *(mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu KH&CN cấp tỉnh)* |  |  |  |  |  |  |  |
| ***5*** | ***Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***6*** | ***Chi khác*** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Hội thảo (*định mức chi theo quy định tại QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dịch tài liệu (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |

1. 1 Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4 [↑](#footnote-ref-1)
2. Quỵ định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ KH&CN với Bộ Tài chính [↑](#footnote-ref-2)
3. *Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.* [↑](#footnote-ref-3)
4. *Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.* [↑](#footnote-ref-4)